TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Bà Cao Thị Kim Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 406/ 2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số B, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số I, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số B, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2024, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Mạnh H quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2020.

Theo chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị T sinh con thứ hai (tháng 8/2022) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H thường xuyên uống rượu rồi gây sự vô cớ với chị T, thậm chí anh H còn đánh chị T nhưng không để lại thương tích. Ngoài ra, chị T còn nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác (nhưng chị T không có tài liệu chứng cứ chứng minh để cung cấp cho Tòa án); anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho vợ con. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Khoảng tháng 4/2023, do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên chị T đã về nhà cha mẹ đẻ sống và nộp đơn ly hôn với anh H, sau khi Tòa án hòa giải chị T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay chị T và anh H không về sống chung, vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 06/4/2020 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 14/8/2022, hiện cháu K đang sống với chị T, còn cháu H2 đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu H2 cho anh H nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 04 tháng 6 năm 2024, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Anh Nguyễn Mạnh H thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Thùy T yêu thương nhau được khoảng một năm thì cả hai tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng giữa năm 2019 mà không đăng ký kết hôn. Đến khi chị T chuẩn bị sinh con đầu lòng thì hai bên mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2020 như chị T trình bày như trên là đúng.

Theo anh H, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng từ khoảng đầu năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do anh H có cùng bạn bè đi uống rượu và vào tiệm massage để thư giãn thì bị chị T bắt gặp nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và chị T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống cho đến nay. Sau đó, chị T có nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng khi được Tòa án hòa giải do anh H không đồng ý ly hôn nên chị T đã rút đơn khởi kiện nhưng vợ chồng vẫn không về sống chung với nhau, mặc dù anh H đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng chị T không đồng ý và tiếp tục nộp đơn ly hôn đến Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh H không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 06/4/2020 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 14/8/2022; hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu K, còn anh H đang nuôi dưỡng cháu H2. Nếu ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 06/4/2020 cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 14/8/2022 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án**:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Mạnh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2020, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh H đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 4/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Do quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nhưng chị T và anh H đều không trình báo nên chính quyền địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa các bên nhưng lời khai của chị T được anh H thừa nhận và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 94/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và lời khai của người làm chứng: *"... Con tôi và anh Nguyễn Mạnh H đã có mâu thuẫn tình cảm từ rất lâu và cũng đã hội ý gia đình hai bên để hòa giải nhưng anh H vẫn không thay đổi ... Cho tới hiện tại thì cháu T cũng đã ở nhà tôi hơn một năm và hai cháu cũng không còn liên lạc với nhau nữa ... "*. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét mong muốn đoàn tụ của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải và cho thời gian để các bên hàn gắn tình cảm theo yêu cầu của bị đơn nhưng không có kết quả, anh H không đưa ra được bất cứ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T, cả hai cũng không liên hệ nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn và chị T cũng không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, xét mong muốn hàn gắn đoàn tụ của bị đơn là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 06/4/2020 và cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 14/8/2022. Các bên đương sự đều thừa nhận, từ tháng 4/2023 cho đến nay khi anh H và chị T không sống chung với nhau thì cháu K sống với chị T, còn anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2. Xét thấy, hiện các con chung đều còn nhỏ (dưới 07 tuổi) nên Tòa án không thể lấy ý kiến của con chung; tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao cháu K cho chị T và giao cháu H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, tuy nhiên bị đơn cũng thừa nhận do tính chất công việc phải thường xuyên đi làm xa từ một đến hai tuần mới về nhà một lần nên việc bị đơn yêu cầu được nuôi hai con chung là không phù hợp và trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T và anh H hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng cả hai bên đều không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh H đều xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] **Về án phí**: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn.

2. *Về con chung*:

- Giao cháu Nguyễn Mạnh K, sinh ngày 14/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Thùy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Giao cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 06/4/2020 cho anh Nguyễn Mạnh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Mạnh H và chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời, chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Mạnh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không ai có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007933 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND TT.D, huyện Thống Nhất; tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 31/2020)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Trang